

HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THU HÀ -BG



ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

DỰ ÁN: PHÒNG KHÁM SẢN PHỤ KHOA HÀ ANH
ĐẠI CHỈ: SỐ NHÀ 985, ĐƯỜNG LÊ LỢI, PHƯỜNG BẮC GIANG,
TỈNH BẮC NINH

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG BẮC GIANG	
ĐẾN Số:.....	Ngày: 17/3/2026
Chuyển:.....	
Số và ký hiệu HS:.....	

Năm 2026

HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THU HÀ -BG



ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG

**DỰ ÁN: PHÒNG KHÁM SẢN PHỤ KHOA HÀ ANH
ĐẠI CHỈ: SỐ NHÀ 985, ĐƯỜNG LÊ LỢI, PHƯỜNG BẮC GIANG,
TỈNH BẮC NINH**

Năm 2026

**HỘ KINH DOANH
NGUYỄN THỊ THU HÀ -BG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 01.03/ĐK-MT
V/v đăng ký môi trường cho dự
án: “Phòng khám Sản phụ khoa
Hà Anh”

Bắc Ninh, ngày 16 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Chủ tịch UBND phường Bắc Giang

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Hà -BG là chủ đầu tư của Phòng khám Sản phụ khoa Hà Anh, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Địa chỉ trụ sở chính của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Hà -BG: Số 985, đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 024191005678 chứng nhận lần đầu ngày 10/01/2026

- Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Điện thoại: 0966621061 Email: bsthuha1991@gmail.com

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Hà -BG đăng ký môi trường cho dự án: “Phòng khám Sản phụ khoa Hà Anh” tại số nhà 985, đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh (Thuê nhà của hộ gia đình ông Thân Văn Huệ theo hợp đồng thuê nhà ngày 10/01/2026) với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án

a. Tên dự án đầu tư: Phòng khám Sản phụ khoa Hà Anh.

b. Địa điểm thực hiện dự án:

- Dự án “Phòng khám Sản phụ khoa Hà Anh” được thực hiện tại số nhà 985, đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh (Thuê nhà của hộ gia đình ông Thân Văn Huệ theo hợp đồng thuê nhà ngày 10/01/2026) với tổng diện tích 75m².

- Ranh giới tiếp giáp của Dự án như sau:

- + Phía Đông giáp trục đường Lê Lợi.
- + Phía Đông Bắc giáp ngõ 985 đường Lê Lợi
- + Phía Tây Bắc giáp các hộ kinh doanh Phường Bắc Giang.
- + Phía Tây Nam giáp các hộ dân Phường Bắc Giang

c. Vốn kinh doanh

Tổng vốn đầu tư: 2.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ đồng)

d. Tiến độ dự án

- Sửa chữa cải tạo, lắp đặt máy móc, thiết bị dự kiến từ tháng 01/2026.
- Đưa toàn bộ dự án đi vào hoạt động dự kiến tháng 03/2026.

e. Quy mô; công suất; công nghệ và loại hình sản xuất của dự án

Quy mô, công suất:

Phòng khám được thực hiện trên dự án thuê lại nhà của hộ gia đình ông Thân Văn Huệ theo hợp đồng thuê nhà ngày 10/01/2026.

(có hợp đồng kèm theo)

- Tổng diện tích của dự án là 75m² (được xây dựng 01 tầng kiên cố).
- Khám bệnh, điều trị cho khoảng 20 lượt khám/ngày.
- Số cán bộ, nhân viên, y bác sĩ khoảng 2 người.

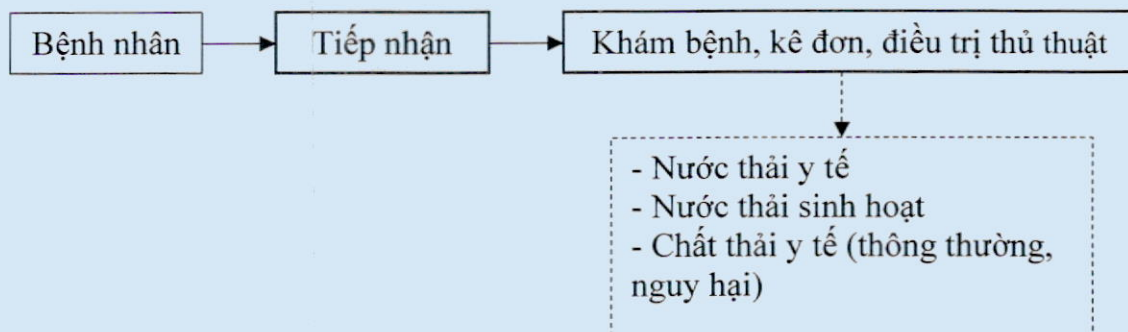
Bảng 1. Các hạng mục công trình của dự án

TT	Hạng mục	Khối lượng	Kết cấu
I	Các hạng mục công trình chính		
1	Khu vực đón tiếp	18,5 m ²	Trên cơ sở hạ tầng kiên cố có sẵn tiến hành cải tạo ngăn phòng cho phù hợp
2	Phòng siêu âm	12,9 m ²	
3	Phòng thủ thuật	15,5 m ²	
4	Phòng khám	14 m ²	
II	Các hạng mục công trình phụ trợ		
1	Hệ thống cấp nước	01 hệ thống	Cải tạo mới toàn bộ hệ thống và thiết bị điện, nước cho phù hợp công năng sử dụng của các phòng
2	Hệ thống cấp điện	01 hệ thống	
III	Các hạng mục công trình BVMT		
1	Khu vực vệ sinh	8 m ²	Tận dụng vị trí nhà vệ sinh và hệ thống thoát nước tại Khu vực vệ sinh, thay mới toàn bộ thiết bị
	Nhà vệ sinh	5 m ²	
	Khu vực rửa tay	3 m ²	
2	Bể tự hoại 3 ngăn (1 bể)	3m ³	Tận dụng các công trình toàn nhà đã có sẵn
3	Hệ thống thoát nước sinh hoạt	01 hệ thống	
4	Hệ thống thoát nước mưa	01 hệ thống	

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Hà -BG)

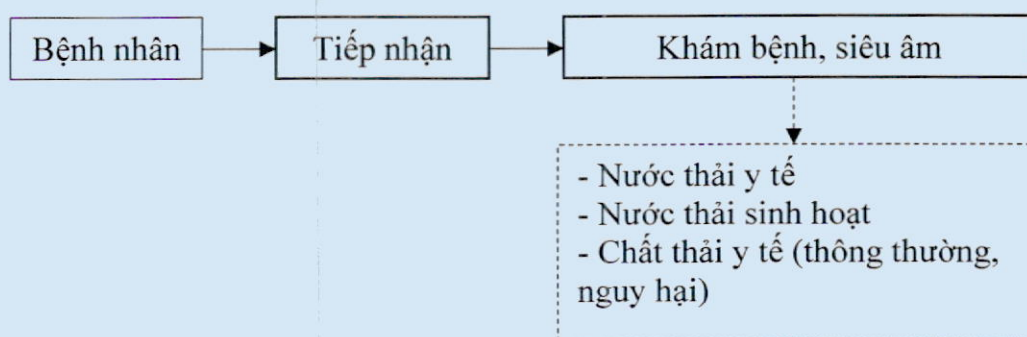
*** Công nghệ: Khám, siêu âm và điều trị bệnh**

➤ Quy trình khám và điều trị bệnh nhân:



Hình 1. Quy trình khám và điều trị bệnh nhân

➤ Quy trình khám và siêu âm cho bệnh nhân:



Hình 2. Quy trình khám và siêu âm cho bệnh nhân

Thuyết minh quy trình khám, điều trị bệnh:

Bệnh nhân và người nhà đến phòng khám được tiếp đón, đăng ký khám chữa bệnh tại bàn đón tiếp.

Sau khi đăng ký khám, bệnh nhân vào siêu theo số thứ tự được phát và người nhà ngồi ghế chờ tại cửa phòng đã được chỉ định, chờ nhân viên y tế gọi vào khám theo thứ tự. trong quá trình siêu âm căn cứ vào tình trạng, kết quả của bệnh nhân, Bác sỹ tư vấn và đưa ra các phác đồ cụ thể đối với từng bệnh nhân để điều trị tại nhà.

Thuyết minh quy trình khám và siêu âm:

Bệnh nhân và người nhà đến phòng khám được tiếp đón, đăng ký khám chữa bệnh tại bàn đón tiếp.

Sau khi đăng ký khám, bệnh nhân vào phòng khám theo số thứ tự được phát và người nhà ngồi ghế chờ tại cửa phòng khám, chờ nhân viên y tế gọi vào khám

theo thứ tự. trong quá trình khám căn cứ vào tình trạng của bệnh nhân, Bác sỹ yêu cầu nội soi để chuẩn đoán đúng bệnh.

Căn cứ theo kết quả, Bác sỹ đưa ra các phác đồ điều trị đối với từng bệnh nhân, kê đơn để điều trị tại nhà.

2. Nguyên, nhiên liệu, hóa chất sử dụng và sản phẩm đầu ra của dự án

a. Nguyên, nhiên, vật liệu của dự án

Nhu cầu nguyên, nhiên liệu sử dụng trong quá trình hoạt động của dự án được thống kê dưới bảng sau:

Bảng 2. Danh mục vật tư, hóa chất sử dụng của dự án (Sử dụng trong 1 năm)

TT	Tên vật tư	Thành phần hóa học	Đơn vị	Số lượng
1	DD Cidex Joson	Ortho-Phthaldehyde: 0,55% và thành phần trợ 99,45%	can	10
2	Bông		kg	0,3
3	Găng tay		đôi	7200
4	Hóa chất khử khuẩn, sát trùng		Lít	2
5	Băng dính Ugo (5cmx5cm)		cuộn	10
6	Khẩu trang giấy		hộp	10
7	Vải gạc		m	20
8	Cồn 70 độ		lít	2
9	Nước rửa tay khô 500l	- Ethanol - Deionized Water - Sodium Lactate - Benzalkonium Chloride	chai	2
10	Adrenalin 1mg/1ml	- Adrenalin tartrat hoặc hydroclorid) - Natri clorid - Natri metabisulfit - Acid hydrocloric	ống	05

TT	Tên vật tư	Thành phần hóa học	Đơn vị	Số lượng
11	Methylprednisolon 40mg	- Natri succinat hoặc acetat	Lọ	02
12	Diphenhydramin 10mg	- Acid hydrocloric, Natri hydroxyd	ống	05
13	DD Lipid 20%	- Triglyceride mạch trung bình (MCT), dầu đậu nành (LCT), dầu cá hoặc dầu ô liu	Lọ	02
14	Nước cất 5ml	- H ₂ O	ống	06
15	Giấy in A4		gam	20
16	Mực in màu		hộp	1

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Hà -BG)

Trên đây chỉ là khối lượng mang tính chất ước lượng về khối lượng, chủng loại, thành phần của các thuốc dùng cho phòng khám, các loại thuốc điều trị cho bệnh nhân chỉ liệt kê được chính xác khi dự án đi vào hoạt động cụ thể. Các loại nguyên, nhiên liệu, vật liệu phục vụ cho hoạt động của phòng khám được nhập của một số cơ sở trong và ngoài nước đảm bảo các tiêu chuẩn về y tế được phép lưu hành và sử dụng. Phòng khám cam kết sử dụng các nguyên, vật liệu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng theo đúng quy định của Bộ y tế, không sử dụng các nguyên, vật liệu thuộc hàng cấm theo quy định của Việt Nam.

Bảng 3. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động của dự án

TT	Tên máy móc, thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Tình trạng Hoạt động
1	Bàn khám sản		Việt Nam	Việt Nam	2	HD ổn định
2	Huyết áp		ALPK2	Nhật Bản	1	HD ổn định
3	Ống nghe		ALPK2	Nhật Bản	1	HD ổn định
4	Nhiệt kế			Việt Nam	1	HD ổn định
5	Tủ sấy	OT-12	GALY	Trung Quốc	1	HD ổn định
6	Mỏ vịt			Việt Nam	10	HD ổn định

TT	Tên máy móc, thiết bị	Ký hiệu (MODEL)	Hãng sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Tình trạng Hoạt động
7	Pank sát khuẩn		Việt Nam	Việt Nam	10	HD ổn định
8	Máy soi cổ tử cung	YKD-3003	AKX Electronic science and Technology	Trung Quốc	1	HD ổn định
9	Dao mổ điện kèm phụ kiện	Zeus- 80	Zerone	Hàn Quốc	1	HD ổn định
10	Máy theo dõi sản khoa	CMS800G	Contec Medical systems	Trung Quốc	1	HD ổn định
11	Máy phân tích nước tiểu	BC400	Contec Medical systems	Trung Quốc	1	HD ổn định
12	Máy siêu âm màu 4D	Voluson Performance 18	GE Ultrasound Korea ltd.,	Hàn Quốc	1	HD ổn định
13	Hộp thuốc chống sốc			Việt Nam	01	HD ổn định
14	Máy tính văn phòng			Việt Nam	03	HD ổn định
15	Máy in màu			Việt Nam	02	HD ổn định

(Nguồn: Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Hà -BG)

Các máy móc, thiết bị y tế đều do các đơn vị có chức năng uy tín cung cấp. Chủ dự án cam kết chỉ sử dụng các máy móc, thiết bị y tế có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo chất lượng theo đúng quy định của Bộ y tế.

b. Nhu cầu sử dụng điện:

- Điện nước phục vụ cho sinh hoạt, vận hành các máy móc ước tính khoảng 200kWh/tháng.

- Nguồn cung cấp điện lấy từ hệ thống lưới điện phường Bắc Giang.

c. Nhu cầu sử dụng nước:

+ Nước cấp cho khám chữa bệnh ngoại trú khoảng 20 lượt khám/ngày. Theo tiêu chuẩn TCVN 4513-1988 cấp nước bên trong-Tiêu chuẩn thiết kế, áp dụng cho khám chữa bệnh thì lượng nước cấp cho 1 bệnh nhân là 15 lít/bệnh nhân/ngày

$$Q_1 = 20 \text{ bệnh nhân} \times 15 \text{ lít/bệnh nhân/ngày} : 300 = 0,30 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Lượng nước cấp cho cán bộ nhân viên. Theo tiêu chuẩn TCVN 13606-2023 cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình-Yêu cầu thiết kế, lượng nước cấp trung bình một người là 120 lít/người/ngày

$$Q_2 = 1 \text{ người} \times 120 \text{ lít/người/ngày} : 240 = 0,24 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Như vậy, tổng lượng nước cấp cho hoạt động của Phòng khám:

$$Q = Q_1 + Q_2 = 0,30 + 0,24 = 0,54 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

* Nguồn cung cấp: Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang

- Tuyến công cấp nước sạch: Nước sạch lấy từ đường ống HDPE D110 của Công ty cổ phần nước sạch Bắc Giang qua đồng hồ cấp nước. Thiết kế 1 điểm đầu nối cấp nước cho toàn bộ công trình với kích thước ống HDPE D50.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư

3.1. Loại, khối lượng chất thải phát sinh trong giai đoạn xây dựng (Cải tạo, lắp đặt máy móc thiết bị)

Tại thời điểm Đăng ký môi trường, các hạng mục công trình của dự án được xây dựng, lắp đặt hoàn thiện, do vậy không đánh giá tác động giai đoạn xây dựng mà chỉ tiến hành đánh giá tác động và đề xuất các biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn hoạt động của phòng khám.

3.2. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư đi vào vận hành

a. Loại, khối lượng nước thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh

* **Nguồn phát sinh:**

- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân và mái nhà.
- Nước thải từ hoạt động của cán bộ nhân viên, bệnh nhân.
- Nước thải y tế phát sinh từ hoạt động rửa dụng cụ,...

* **Dự báo tải lượng:**

- *Nước thải sinh hoạt:*

- Nước dùng cho sinh hoạt của cán bộ, nhân viên (Theo TCVN 13606:202 Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Yêu cầu thiết kế, lượng nước cấp trung bình một người là 120 lít/người.ngày):

$$Q = 2 \text{ người} \times 120 \text{ lít/người/ngày} : 1000 = 0,24 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Ước tính lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp. Tổng lượng nước thải phát sinh hàng ngày tại dự án là 0,24 m³/tháng.

- Nước thải sinh hoạt chủ yếu chứa các chất cặn bã, các chất lơ lửng (S BOD, COD, các vi sinh vật.... Theo thống kê tính toán của Tổ chức Y tế Thế giới khối lượng chất ô nhiễm của mỗi người hàng ngày thải vào môi trường (*nếu không xử lý*) được tính toán ở bảng sau:

Bảng 4. Dự báo nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt

TT	C chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Hàm lượng	QCVN 28:2010/ BTNMT, cột B
1	pH	mg/l	6,5 - 8,0	6,5 - 8,0
2	BOD ₅	mg/l	150 - 200	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120 -150	100
4	Amoni (tính theo NH ₄ -N)	mg/l	30 - 40	10
5	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	25 – 30	20
6	Tổng photpho	mg/l	3 – 40	10
7	Colifom	MPN/100ml	10 ⁵ – 10 ⁶	5.000

(Nguồn: melvietgroup.com)

- Với kết quả như Bảng trên cho thấy khi nước thải sinh hoạt không được xử lý thì nồng độ các chất ô nhiễm vượt rất nhiều lần so với QCVN 28:2010/BTNMT cột B, gây tác động xấu tới thủy vực tiếp nhận, tác động xấu tới nhu cầu sử dụng nước trong khu vực.

- Nước thải sinh hoạt chứa nhiều chất hữu cơ dễ phân hủy sinh học, sự ô nhiễm do các chất hữu cơ sẽ dẫn đến suy giảm nồng độ oxy hoà tan trong nước do vi sinh vật sử dụng oxy hoà tan để phân huỷ chất hữu cơ. Oxy hoà tan giảm sẽ khiến cho các loài thủy sinh trong thủy vực thiếu oxy để sinh sống. Ngoài ra, đây cũng là một trong những nguyên nhân gây ra hiện tượng phú dưỡng nguồn nước. Để khắc phục các tác động tiêu cực của nước thải sinh hoạt, có thể sử dụng các công trình xử lý cục bộ mang tính khả thi cao và dễ thực hiện ngay, chi phí thấp.

- Nước thải y tế:

- Nước cấp cho khám chữa bệnh ngoại trú khoảng 20 lượt khám/ngày. Theo tiêu chuẩn TCVN 4513-1988 - Cấp nước bên trong – Tiêu chuẩn thiết kế, áp dụng cho khám chữa bệnh thì lượng nước cấp cho 1 bệnh nhân là 15 lít bệnh nhân/ngày

$$Q = 20 \text{ bệnh nhân} \times 15 \text{ lít/bệnh nhân/ngày} : 1000 = 0,24 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Lượng nước thải phát sinh bằng 100% lượng nước cấp, do vậy, lượng nước thải y tế sẽ phát sinh khoảng 0,24 m³/ngày.

Trong nước thải y tế, ngoài những yếu tố ô nhiễm như chất hữu cơ, dầu mỡ mà động thực vật còn có các chất hữu cơ đặc thù, các vi khuẩn gây bệnh, chất khử trùng, ...

Do đó nước thải y tế cần được thu gom xử lý đảm bảo đúng quy định hiện hành.

- Nước mưa chảy tràn:

Nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân, đường, mái nhà,... kéo theo bụi bẩn và các chất ô nhiễm khác vào hệ thống thu gom, thoát nước mưa xung quanh phòng khám.

Mặc dù không đây ô nhiễm nguồn nước nhưng với những trận mưa có cường độ lớn, nước mưa chảy tràn qua dự án có khả năng gây ngập úng. Tuy nhiên, do hệ thống cống thoát nước đã được xây dựng đồng bộ hóa để thu gom và thoát nước cho toàn bộ khu vực xung quanh nên khả năng gây ngập úng các khu vực xung quanh trong những ngày mưa lớn được dự báo là không xảy ra.

b. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh hoặc dự kiến phát sinh

*** Nguồn phát sinh:**

- Bụi, khí thải từ quá trình đi lại của cán bộ công nhân viên, bệnh nhân.
- Mùi từ hoạt động lau rửa sàn nhà, khử trùng khu vực.
- Mùi do các hóa chất tẩy trùng, mùi hôi từ nhà vệ sinh, khu vực lưu giữ chất thải,....
- Các vi sinh vật gây bệnh có khả năng phát tán vào không khí qua các vật dụng hàng ngày của bệnh nhân,...

*** Dự báo tải lượng:**

- Bụi, khí thải từ quá trình đi lại của cán bộ công nhân viên và khách hàng;

Hàng ngày còn có các phương tiện giao thông khác cũng ra vào khu vực phòng khám, đó là các phương tiện giao thông dành cho cán bộ, công nhân viên trong dự án và các khách hàng. Tuy nhiên các phương tiện này chủ yếu là các phương tiện cá nhân như: xe ô tô 4 chỗ, xe ô tô 7 chỗ và xe gắn máy.

Tải lượng các chất ô nhiễm được tính toán trên cơ sở "Hệ số ô nhiễm" do Cơ quan Bảo vệ môi trường Mỹ (USEPA) và Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) thiết lập như sau:

Bảng 5. Hệ số phát thải của phương tiện mô tô 2 bánh

Loại xe	Bụi g/km	SO ₂ g/đv	NO _x kg/đv	CO kg/đv	HC kg/đv
Động cơ <50 cc, 2 kỳ	0,12	0,36 S	0,05	10	6
Động cơ >50 cc, 2 kỳ	0,12	0,6 S	0,08	22	15
Động cơ >50 cc, 4 kỳ	0,12	0,76 S	0,3	20	3

Ghi chú: S là tỉ lệ % của lưu huỳnh có trong nhiên liệu. Thông thường trong xăng có chứa 0,039-0,15% trong dầu Diezen có chứa 0,5%.

Tổng số lượng cán bộ công nhân viên, bệnh nhân thường xuyên ra vào khoảng 08 người. Hầu hết sử dụng xe máy làm phương tiện đi lại. Khoảng cách di chuyển trong phạm vi 10km. Tải lượng ô nhiễm không khí của các phương tiện vận chuyển, phương tiện giao thông ra vào dự án được tính theo công thức sau:

Tải lượng ô nhiễm = hệ số phát thải x Quãng đường /lượt x Số lượt xe/h

Dựa trên hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và Cơ quan Bảo vệ Môi trường Mỹ thiết lập đối với xe mô tô 2 bánh dùng xăng, động cơ 4 thì, dung tích xi lanh > 50 cc, có thể ước tính tải lượng các chất ô nhiễm không khí trong khí thải các xe mô tô 2 bánh túc đi lại trong ngày như trình bày trong bảng sau:

Bảng 6. Tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải xe mô tô 2 bánh

STT	Chất ô nhiễm	Hệ số phát thải (kg/1000km)	Chiều dài tính toán (1.000 km)	Tải lượng (kg/1000km.h)	Tải lượng ô nhiễm trên tuyến đường vận chuyển E(mg/m.s)
1	Bụi	-	8,0	-	-
2	CO	20	8,0	146,3	0,235
3	SO ₂	0,76 S	8,0	0,019	0,000624
4	NO _x	0,3	8,0	1,58	0,0219

Ghi chú:

- S: Hàm lượng lưu huỳnh trong xăng là rất nhỏ, không đáng kể.
- Quãng đường vận chuyển trung bình cho 1 lượt xe được ước tính là 10 km.

Áp dụng công thức tính ở trên, nồng độ các chất ô nhiễm ứng với khoảng

cách khác nhau so với nguồn thải được thể hiện ở bảng dưới đây.

Bảng 7. Nồng độ các chất ô nhiễm do phương tiện đi lại của nhân viên và bệnh nhân

Đơn vị: $\mu\text{g}/\text{Nm}^3$

TT	Khoảng cách x (m)	σ_z (m)	Bụi	CO	SO ₂	NO _x
1	5	1,72	-	43,717	0,116	4,074
2	10	2,85	-	26,357	0,159	2,456
3	15	3,83	-	19,604	0,075	1,827
4	20	4,72	-	15,891	0,064	1,481
5	30	6,35	-	11,820	0,031	1,101
6	50	9,22	-	8,141	0,022	0,759
QCVN 05:2023/BTNMT	Trung bình 1h		300	30.000	200	350
	Trung bình 24h		200	5.000	100	125

- Từ kết quả trên ta có thể thấy rằng mức độ ô nhiễm do các phương tiện giao thông đi lại của công nhân ở giai đoạn này thải ra là nhỏ và không đáng kể.

- Ngoài ra có thể thấy hàm lượng khí SO₂ phụ thuộc chặt chẽ vào hàm lượng S có trong nhiên liệu. Với những loại phương tiện sử dụng nhiên liệu xăng thì hàm lượng S thấp do đó hàm lượng khí SO₂ phát sinh sẽ thấp, còn với những loại phương tiện sử dụng nhiên liệu dầu Diezen thì hàm lượng lưu huỳnh cao hơn và do đó hàm lượng khí SO₂ phát sinh cũng cao hơn.

Trong quá trình hoạt động, các phương tiện giao thông này sử dụng nhiên liệu chủ yếu là xăng, dầu diezen phát sinh các chất ô nhiễm như bụi, NO₂, SO₂, CO, C_xH_y, ...

- Mùi từ hoạt động lau rửa sàn nhà, khử trùng khu vực:

Do đặc thù của phòng xét nghiệm y tế nên cần phải vệ sinh khu vực liên tục để hạn chế phát tán vi khuẩn, hoặc nhiễm khuẩn chéo. Do vậy sử dụng việc lau chùi, tẩy rửa bằng các hóa chất sử dụng trong y tế do vậy sẽ có mùi phát sinh.

- Mùi hôi phát sinh từ khu vực tập kết rác thải

Hoạt động sinh hoạt hàng ngày của dự án phát sinh một lượng chất thải sinh hoạt đáng kể. Nếu không có biện pháp giảm thiểu mùi hôi sẽ gây ra những tác động tiêu cực đến hoạt động của dự án cũng như ảnh hưởng đến các khu vực lân cận.

- Mùi hôi từ các loại rác y tế, hóa chất, dung môi

Mùi hôi do dung môi hữu cơ, các chất tẩy, dược phẩm. Có thể nói rằng các hóa chất sát khuẩn được sử dụng tại Phòng khám có độc tính thấp, dễ phân hủy trong tự nhiên nên thực tế không gây ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe của người dân. Để hạn chế ô nhiễm mùi tại Phòng khám Chủ cơ sở sẽ lắp đặt hệ thống thông gió cưỡng bức, kết hợp thông gió tự nhiên, áp dụng việc bảo quản và sử dụng hóa chất đúng quy định, hợp lý.

- Tác động do vi sinh vật gây bệnh

Các nguồn phát sinh vi sinh vật gây bệnh trong phòng khám bao gồm:

- Con người: Là nguồn chính của các vi khuẩn gây nhiễm. Các bệnh nhân và cán bộ, nhân viên vào phòng khám với tình trạng nhiễm khuẩn mắc phải trong cộng đồng có thể truyền nhiễm khuẩn đó cho người khác trong môi trường phòng khám.

- Vật liệu dụng cụ trong phòng khám: Vật liệu, y dụng cụ, đồ vải, đồ đạc trong phòng bệnh, Gạt trải giường, giường, nệm, chiếu... dụng cụ bị vấy nhiễm, đặc biệt nếu được dùng cho các kỹ thuật xâm lấn như dụng cụ dùng trong lòng mạch, máy thử là nguồn nhiễm trùng.

- Môi trường phòng khám: Như không khí (khi thở bản thân bệnh nhân, nhân viên, khách thăm, ...) đất, bề mặt, nước, các công trình vệ sinh,... bị vấy nhiễm do vi khuẩn có thể gây nhiễm khuẩn trên các bệnh nhân. Các vi khuẩn gây bệnh có thể còn sống và hoạt động được trong một thời gian dài trong môi trường sau khi được phóng xuất từ vật chủ, thí dụ vi khuẩn lao trong bụi, virus viêm gan siêu vi B trong giọt máu khô.

c. Loại, khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh hoặc dự kiến phát sinh

*** Nguồn phát sinh**

- Chất thải sinh hoạt: Từ các hoạt động sinh hoạt của cán bộ, nhân viên và bệnh nhân.

*** Dự báo tải lượng**

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động sau:

+ Chất thải từ nhà vệ sinh: Giấy vệ sinh, lõi giấy vệ sinh, túi nilon;

+ Chất thải từ văn phòng làm việc: Túi nilong, bao thuốc lá, lon chai, vỏ hoa quả, ...

- Tổng số cán bộ, công nhân viên hiện nay đang làm việc tại dự án tối đa khoảng 2 người. Với định mức chất thải rắn sinh hoạt là 0,5 kg/người/ngày (Theo Thuyết minh tổng hợp quy hoạch quản lý chất thải rắn vùng tỉnh Bắc Giang năm 2025 tầm nhìn đến năm 2030), thì tài lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại dự án hàng ngày khoảng:

$$2 \text{ người} \times 0,5 \text{ kg/người/ngày} = 1 \text{ kg/ngày}$$

Bảng 8. Thành phần CTR sinh hoạt nói chung

Thành phần	Tính chất					
	% Trọng lượng		% Độ ẩm		Trọng lượng riêng (kg/m ³)	
	KGT	TB	KGT	TB	KGT	TB
Chất thải thực phẩm	6-25	15	50-80	70	128-80	228
Giấy	25-45	40	4-10	6	32-128	84,6
Carton	3-15	4	4-8	5	38-80	49,6
Chất dẻo	2-8	3	1-4	2	32-128	64
Vải vụn	0-4	2	6-15	10	32-96	64
Cao su	0-2	0,5	1-4	2	96-192	128
Da vụn	0-2	0,5	8-12	10	96-256	160
Sản phẩm vườn	0-20	12	30-80	60	84-224	104
Gỗ	1-4	2	15-40	20	128-200	240
Thủy tinh	4-16	8	1-4	2	160-480	193,6
Đồ hộp	2-8	6	2-4	3	48-160	88
Kim loại màu	0-1	1	2-4	2	64-240	160
Kim loại đen	1-4	2	2-6	3	128-1120	320
Bụi, tro, gạch	0-10	4	6-12	8	320-960	480
Tổng cộng		10	15-40	20	180-420	300

(Nguồn: Quản lý CTR. Tập 1, nhà xuất bản Xây dựng, 2001)

Chú thích: KGT - Khoảng giá trị; TB – Trung bình

Bảng 9. Thành phần chất thải rắn sinh hoạt

STT	Thành phần	Tỷ lệ (%)
1	Giấy bìa, hộp cơm, bao bì ...	30
2	Chất thải rửa (động vật, thực vật)	25
3	Thủy tinh	12
4	Chất dẻo	10
5	Kim loại	6
6	Chất xơ	2
7	Các chất vô cơ khác	15
8	Tổng cộng	100

(Nguồn: Thống kê của Viện KTND và BVMT TP Hồ Chí Minh)

Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định để giảm thiểu ô nhiễm môi trường do các loại chất thải rắn sinh hoạt trên.

d. Loại, khối lượng chất thải rắn y tế thông thường phát sinh

* Nguồn phát sinh

- Chất thải phát sinh từ hoạt động của phòng khám như: các vật liệu nhựa, thùng carton.

* Dự báo tải lượng

- Chất thải thông thường không chứa các yếu tố lây nhiễm, nguy hại, phóng xạ phát sinh tại Phòng khám bao gồm:

+ Chất thải phát sinh từ các phòng khám bệnh

+ Chất thải phát sinh từ các hoạt động chuyên môn y tế như các chai lọ thủy tinh, các vật liệu nhựa. Những chất thải này không dính máu, dịch sinh học và các chất hóa học nguy hại.

+ Chất thải phát sinh từ bộ phận hành chính: Giấy, báo, tài liệu, vật liệu đóng gói, thùng các tông, túi nilon, túi đựng phim.

+ Chất thải ngoại cảnh: Lá cây và các từ các khu vực ngoại cảnh

Chất thải y tế không chứa thành phần nguy hại ước tính phát sinh là 2 kg/ngày.

Các loại chất thải rắn từ hoạt động của dự án không có thành phần nguy hại, do vậy, ảnh hưởng của nguồn này là không đáng kể.

Chủ dự án sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải rắn y tế thông thường với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển và xử lý theo quy định.

e. Loại, khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh

* Nguồn phát sinh

- Từ hoạt động khám chữa bệnh của dự án.

* Dự báo tải lượng

Dự báo khối lượng CTNH phát sinh của dự án như sau:

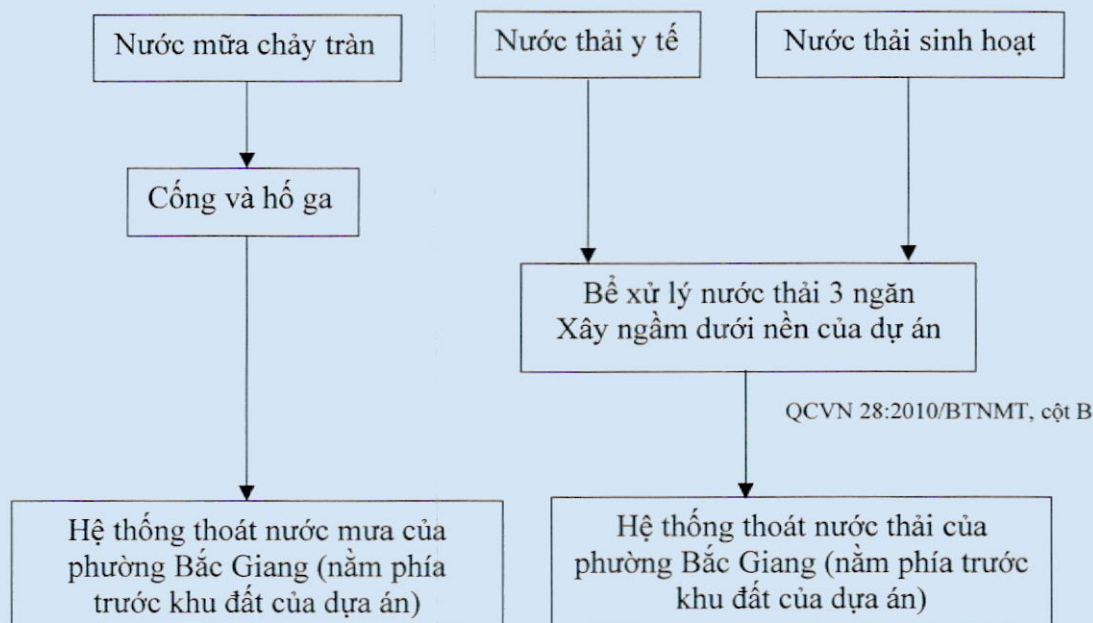
Bảng 10. Dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh của dự án

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Bông, băng, gạc thải có dính tác nhân lây nhiễm	130101	rắn	5
2	Găng tay thải có dính tác nhân lây nhiễm			10
3	Bơm kim tiêm thải			2
4	Các loại dược phẩm có chứa thành phần nguy hại	130103	rắn	8
5	Rẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	180201	rắn	10
6	Bóng đèn huỳnh quang thải, hỏng có chứa thủy ngân	160106	rắn	5
7	Bao bì cứng thải bằng nhựa (vỏ căn đưng dầu, hóa chất) nhiễm thành phần nguy hại	180103	rắn	20
8	Tổng cộng		(kg/năm)	60

- Chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án

a. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh



Hình 3. Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải phát sinh của dự án

*** Đối với nước mưa chảy tràn**

Toàn bộ nước mưa trên mái nhà phòng khám được thu gom vào ống nước D110 và chảy vào hố ga lắng cặn trên mặt bằng phòng khám trước khi chảy vào hệ thống thoát nước của phường Bắc Giang.

- Hố ga chứa nước mưa chảy tràn được xây dựng bằng gạch đặc, trát vữa xi măng thành và đáy rãnh, nắp đậy bằng tấm đan bê tông cốt thép. Kích thước hố ga: $D \times R \times S = 0,5m \times 0,5m \times 0,8m$ và chảy ra nguồn tiếp nhận (hệ thống thoát nước mưa của phường Bắc Giang).

*** Đối với nước thải y tế**

Chủ dự án bố trí các chậu inox có dung tích khoảng 10 lít tại khu vực rửa dụng cụ, khu vực khám bệnh để thu gom toàn bộ lượng nước thải y tế phát sinh tại phòng xét nghiệm. Nước thải sẽ được đấu nối vào bể tự hoại 3 ngăn của phòng khám trước khi thoát ra hệ thống thoát nước thải của phường Bắc Giang bằng đường ống D110.

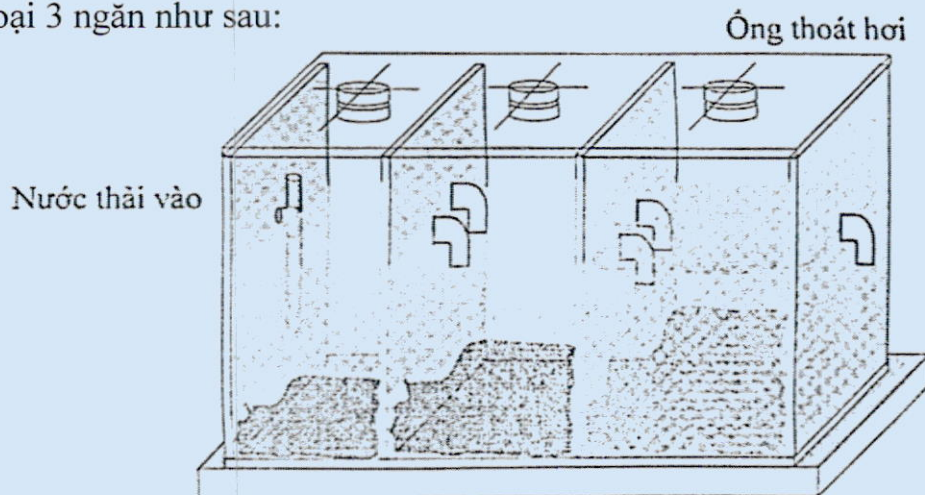
Nước thải sau khi được xử lý qua bể 3 ngăn đạt QCVN 28:2010/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế.

*** Nước thải sinh hoạt**

Nước thải tại các khu vệ sinh được đưa vào xử lý bằng 1 bể tự hoại 3 ngăn, sau đó đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của phường Bắc Giang.

Xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn

- Nước thải nhà vệ sinh được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Sơ đồ nguyên lý của bể tự hoại 3 ngăn như sau:



Hình 4. Sơ đồ nguyên lý của bể tự hoại 3 ngăn

- Thuyết minh quy trình công nghệ bể tự hoại 3 ngăn:

+ Nguyên tắc hoạt động của loại công trình này lắng cặn và phân hủy, lên men cặn lắng hữu cơ. Phần cặn được lưu lại phân hủy kỵ khí trong bể, phần nước được thoát vào hệ thống thoát nước thải chung. Phần cặn thải chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hút bể phốt theo định kỳ hàng năm.

+ Toàn bộ nước thải nhà vệ sinh của Nhà máy được dẫn theo đường ống thoát đến hệ thống xử lý. Nước thải cặn bã sẽ được xử lý sinh học yếm khí tại ngăn lên men, cặn có trong nước thải được lên men sẽ lắng đọng xuống đáy bể và nước sẽ được tách chảy sang ngăn lọc, tại đây xảy ra quá trình ngưng đọng lại những chất vẫn còn theo nước ra tích tụ lại thành bùn và nước thải sẽ được thải ra ngoài theo hệ thống công thoát nước chung. Đường ống được bố trí theo nguyên lý chảy tràn chênh lệch mực nước từ trên xuống dưới.

+ Khi cặn bã tại ngăn lên men đầy cần tiến hành hút bỏ để tránh cặn bã dồn ứ sang bể lắng gây ra tắc cống nước. Định kỳ 6 tháng/lần bổ sung chế phẩm vi sinh Microphot vào bể tự hoại để nâng cao hiệu quả phân hủy làm sạch nhanh của công trình.

+ Đối với bùn từ các bể tự hoại được định kỳ 1 năm/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút đem đi xử lý theo quy định.

- Thông số bể tự hoại:

Bảng 11. Thông số bể tự hoại 3 ngăn

Thông số			
Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều sâu (m)	Thể tích (m ³)
2	1	1,5	3

Nước thải sinh hoạt của phòng khám sau khi xử lý đầu nổi vào hệ thống thoát nước của phường Bắc Giang.

b. Phương án thu gom, xử lý khí thải dự kiến phát sinh

*** Đối với bụi, khí thải từ phương tiện giao thông:**

- Xây dựng nội quy cho các phương tiện giao thông ra vào dự án.
- Khu vực đỗ xe, trông giữ xe thuận tiện đồng thời yêu cầu bệnh nhân tắt máy, dắt xe vào khu vực đỗ xe đúng nơi quy định.
- Bê tông hóa khu vực vỉa hè, khu vực giữ xe để tránh phát sinh bụi.
- Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng thay dầu mỡ, hạn chế các phương tiện chuyên chở không phát sinh các chất ô nhiễm, tiếng ồn lớn.

*** Biện pháp xử lý bụi, khí thải, mùi trong khu vực phòng khám**

- Để hạn chế ô nhiễm hơi nóng bức chủ dự án sẽ lắp đặt hệ thống quạt trần thông gió làm giảm nhanh nhiệt độ nóng bức phát tán hơi nóng giảm mùi hôi.
- Áp dụng hiện pháp kháng mùi và che mũi trên dự án sử dụng các chất kháng mùi cục bộ vào những nơi phát sinh mùi hôi.
- Việc hạn chế sự lây nhiễm qua các vi sinh vật gây bệnh rất phức tạp đối với các đối tượng có dấu hiệu mắc các bệnh có thể lây qua đường hô hấp sẽ được các y, bác sỹ tư vấn đến phòng khám tuyến trên hoặc phòng điều trị theo đúng chuyên môn. Ngoài ra chủ cơ sở trang bị các bảo hộ lao động cho cán bộ, nhân viên như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ (áo blouse).
- Khử trùng, tiệt khuẩn dụng cụ, vật dụng bằng sức nóng hoặc hoá chất phải đảm bảo đúng quy trình, đủ thời gian, đúng nồng độ hoặc đúng nhiệt độ.

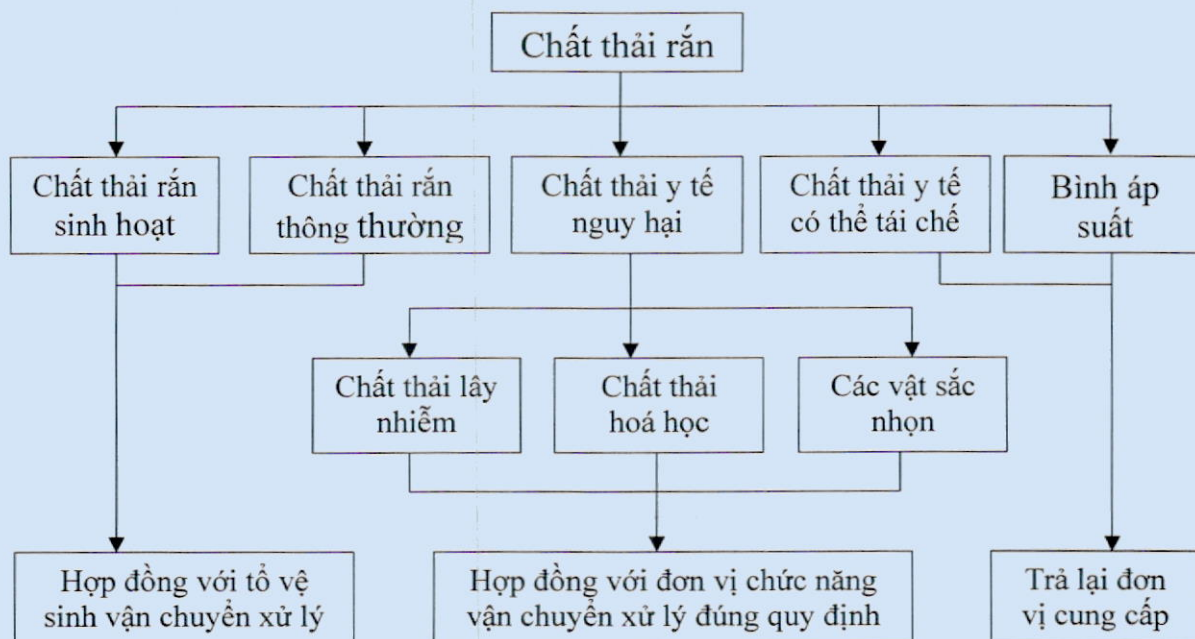
***Biện pháp chống nhiễm khuẩn**

- Thực hiện các công tác chống nhiễm khuẩn theo đúng quy định kỹ thuật phòng khám về vô khuẩn, khử khuẩn, bao gồm: Các dụng cụ y tế, vệ sinh ngoại cảnh, vệ sinh phòng, vệ sinh cá nhân.
- Các điều kiện thực hiện công tác chống nhiễm khuẩn bao gồm: Nước sạch, dụng cụ, phương tiện, hoá chất khử khuẩn, trang thiết bị bảo hộ lao động trong ngành y tế.
- Dụng cụ y tế nhiễm khuẩn sau khi dùng xong được ngâm vào dung dịch tẩy uế trước khi loại bỏ hoặc dùng lại.

- Khử trùng, diệt khuẩn dụng cụ, vật dụng bằng sức nóng hoặc hoá chất phải đảm bảo đúng quy trình, đủ thời gian, đúng nồng độ hoặc đúng nhiệt độ.
- Trước khi tiến hành các thủ thuật châm cứu, thủ thuật vô khuẩn, bác sỹ chịu trách nhiệm tuân thủ đúng quy định về vô khuẩn.
- Các phòng được cấp đầy đủ điện, nước, găng tay vệ sinh, chổi, xô, chậu, xà phòng, dung dịch khử khuẩn.
- Mỗi phòng có hệ thống nước cọ rửa dụng cụ, có đủ giá kệ bảo quản dụng cụ vệ sinh và đồ vải chờ mang đi giặt.
- Các thiết bị, dụng cụ y tế trong buồng được bố trí, sắp xếp thuận tiện cho việc phục vụ người bệnh và vệ sinh tẩy uế.
- Trang bị thùng rác có nắp đậy, đặt ở những vị trí thuận tiện, đảm bảo mỹ quan và nhu cầu xã thái của người bệnh và các nhân viên trong phòng khám.
- Trần, tường, bệ cửa, cánh cửa được giữ gìn luôn sạch sẽ, không có mạng nhện.
- Nền các phòng được lát gạch men hoặc vật liệu tương đối nhẵn, khô, không thấm nước, luôn sạch.
- Quần áo, đồ vải được phơi tập trung tại khu vực quy định.
- Nêu cao tinh thần gương mẫu vệ sinh chung, vệ sinh cá nhân và nơi làm việc sạch sẽ, ngăn nắp.

c. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn của dự án

Chất thải phát sinh từ hoạt động của Phòng khám được quản lý theo sơ đồ sau:



Hình 5. Sơ đồ thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn của dự án

- Tiến hành phân loại và thu gom rác thải:

Chất thải trong hoạt động khám chữa bệnh đảm bảo được quản lý theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải y tế. Rác thải được phân loại vào túi đựng và thùng rác có màu sắc theo đúng quy định.

- Quy định dụng cụ chứa chất thải:

+ Chất thải lây nhiễm sắc nhọn: Đựng trong thùng hoặc hộp có màu vàng;

+ Chất thải lây nhiễm không sắc nhọn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng;

+ Chất thải có nguy cơ lây nhiễm cao: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu vàng;

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng rắn: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu đen;

+ Chất thải nguy hại không lây nhiễm dạng lỏng: Đựng trong các dụng cụ có nắp đậy kín;

+ Chất thải y tế thông thường không phục vụ mục đích tái chế: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu xanh;

+ Chất thải y tế thông thường phục vụ mục đích tái chế: Đựng trong túi hoặc trong thùng có lót túi và có màu trắng.

*** Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

Phòng khám bố trí các thùng đựng rác trong mỗi phòng khám cuối giờ tan ca nhân viên tạp vụ sẽ thu gom và mang ra ngoài công, nơi tập kết rác. Phòng khám sẽ hợp đồng với tổ vệ sinh địa phương thực hiện thu gom rác sinh hoạt, vận chuyển xử lý mỗi ngày.

- Lập nội quy quy định việc quản lý rác thải.

- Thực hiện phân loại chất thải như sau:

+ Rác thải có khả năng tái chế: lon, chai nhựa, giấy, bìa carton,.. được thu gom và bán cho đơn vị có chức năng thu mua.

+ Rác thải không có khả năng tái chế: rau củ quả, thức ăn thừa,... chủ dự án thuê đơn vị chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định

- Chủ cơ sở sẽ ký hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải sinh hoạt theo quy định với tần suất vận chuyển 1 lần/ngày.

*** Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn y tế thông thường**

Phòng khám đã thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại và quản lý chất thải rắn y tế thông thường như sau: Ngay trong quá trình làm việc bác sĩ sẽ thực hiện luôn việc khám chữa bệnh và biện pháp phân loại chất thải rắn y tế ngay tại các phòng trong quá trình khám chữa cho bệnh nhân.

Rác thải y tế thông thường được phân loại vào các túi đựng và thùng đựng có màu sắc theo Quy chế quản lý chất thải y tế của Bộ Y tế. Cụ thể như sau:

- Túi nilon, thùng màu xanh đựng chất thải y tế thông thường.
- Túi nilon màu trắng đựng chất thải y tế tái chế được.
- Hộp cứng màu vàng đựng các vật sắc nhọn không nhiễm thành phẩm nguy hại.
- Mỗi loại chất thải được thu gom vào các dụng cụ thu gom theo mã màu quy định và có nhãn hoặc ghi bên ngoài túi nơi phát sinh chất thải.

Tần suất thu gom: Cán bộ của Phòng khám được phân công hàng ngày chịu trách nhiệm thu gom các chất thải y tế thông thường từ nơi chất thải phát sinh về kho tập trung chất thải 1 - 2 lần một ngày.

- Đối với những loại chất thải: Chai lọ thủy tinh, vỏ chai truyền dịch, vỏ hộp thuốc bằng bìa cát tông, vật sắc nhọn bằng kim loại không nhiễm thành phần nguy hại loại chất thải này tái chế được thu gom, lưu giữ bằng các thùng chứa có nắp đậy (dung tích khoảng 100 lít) và trả lại dự án, đơn vị cung cấp để tái chế, tái sử dụng.

- Chủ dự án sẽ sử dụng kho chứa có diện tích 6m² để lưu trữ tạm thời chất thải này trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng mang đi xử lý.

- Phòng khám sẽ ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của Pháp luật. Tần suất thu gom xử lý: 1 năm/lần hoặc khi kho chứa đầy nhưng không quá 1 năm.

Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn y tế nguy hại

Tùy từng loại chất thải phát sinh mà Phòng khám áp dụng những biện pháp xử lý khác nhau. Chất thải Phòng khám đảm bảo được áp dụng biện pháp xử lý theo Theo Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Y tế và Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định về Quản lý chất thải y tế.

- Đối với mỗi loại chất thải nguy hại (Găng tay, giẻ lau, bóng đèn huỳnh quang thải có chứa thủy ngân, bông gạc thải, găng tay,...) được đựng vào một thùng có nắp đậy riêng, đồng thời dán nhãn phân loại đối với từng loại chất thải nguy hại, lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại.

- Phòng khám bố trí các thùng rác, túi nilon tại các phòng để thu gom, phân loại chất thải y tế nguy hại theo hướng dẫn của Bộ Y tế: Túi nilon màu vàng và thùng màu vàng đựng chất thải lâm sàng. Túi nilon màu đen đựng các chất hóa học nguy hại. Đối với chất thải lây nhiễm Phòng khám sẽ thuê đơn vị có chức năng vận chuyển xử lý đúng quy định và lưu chứa trong kho không quá 3 ngày. Đối với các loại chất thải nguy hại này (trừ chất thải phóng xạ) sẽ được thu gom vào kho chứa, mỗi loại chất thải đựng vào một thùng chứa riêng, có nắp đậy, dán nhãn phân loại, lưu giữ kho chứa CTNH có diện tích 6m². Tại kho chứa CTNH đã có dán nhãn biển báo CTNH.

- Chủ dự án sẽ ký hợp với đơn vị đủ chức năng để vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định. Tần suất thu gom xử lý 1 lần/năm hoặc khi kho chứa đầy.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Nhằm giảm thiểu những nguồn gây ô nhiễm môi trường do hoạt động của dự án, chủ dự án cam kết BVMT như sau:

- Cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường cụ thể như sau:

- Cam kết thực hiện đúng Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH13 ngày 17/11/2020; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

+ Đối với nước thải sinh hoạt, nước thải y tế: Xử lý nước thải đảm bảo nước thải ra môi trường đạt QCVN 28:2010/BTNMT cột B.

+ Cam kết thực hiện tốt công tác quản lý chất thải y tế theo đúng Thông tư liên tịch số 58/2015/TTLT-BYT-BTNMT.

+ Cam kết thực hiện các nội dung dự án theo đúng phương án đã được đăng ký. Không sử dụng các hoá chất độc hại nằm trong danh mục cấm của Việt Nam và các Công ước Quốc tế mà Việt Nam tham gia trong quá trình hoạt động của dự án.

+ Cam kết kiểm soát các nguồn thải phát sinh (bụi, khí thải, nước thải) đảm bảo không gây ô nhiễm, ảnh hưởng tới môi trường và các đối tượng xung quanh.

+ Thực hiện các biện pháp khống chế ô nhiễm do tiếng ồn, khí thải và bụi.

+ Đối với các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại chủ dự án cam kết sẽ thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định.

- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam hoặc để xảy ra sự cố về môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Hà -BG đề nghị UBND phường Bắc Giang tiếp nhận đăng ký môi trường của dự án “Phòng khám Sản phụ khoa Hà Anh”.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

CHỦ DỰ ÁN



Nguyễn Thị Thu Hà

PHỤ LỤC KÈM THEO

- **GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH**
- **CCCD CHỦ HỘ KINH DOANH**
- **MẶT BẰNG, SƠ ĐỒ PHÒNG KHÁM**
- **HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ**
- **GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT**
- **HỢP ĐỒNG THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HỘ KINH DOANH

Mã số hộ kinh doanh: 024191005678

Đăng ký lần đầu, ngày 10 tháng 01 năm 2026

1. Tên hộ kinh doanh:

Tên hộ kinh doanh viết bằng tiếng Việt: **HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THU HÀ -BG**

2. Trụ sở của hộ kinh doanh: Số 985, Đường Lê Lợi, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0566298886

Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động của các phòng khám đa khoa, chuyên khoa và nha khoa	8620 (Chính)

4. Vốn kinh doanh:

Vốn kinh doanh (Bằng số): 2.000.000.000 đồng

Vốn kinh doanh (Bằng chữ): Hai tỷ đồng.

5. Chủ thể thành lập hộ kinh doanh: Cá nhân

6. Thông tin về chủ hộ kinh doanh:

Họ và tên: NGUYỄN THỊ THU HÀ

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 10/04/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Số định danh cá nhân: 024191005678

Nơi thường trú: SỐ NHÀ 14, NGÕ 985, ĐƯỜNG LÊ LỢI, TÔ DÂN PHỐ GIÁP TIÊU, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

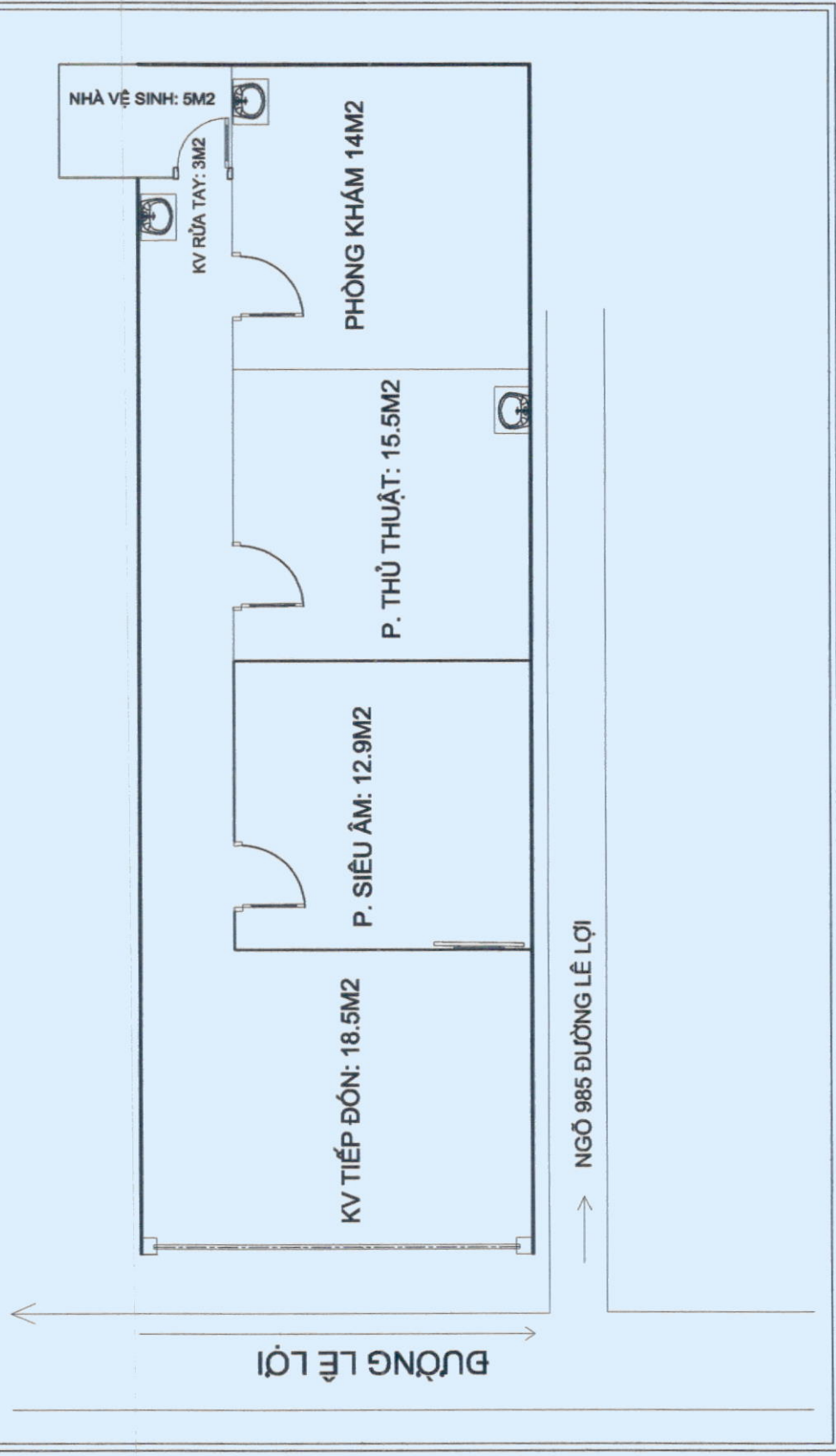
Nơi ở hiện tại: TDP Giáp Tiêu, Phường Bắc Giang, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Văn Liệu

MẶT BẰNG, SƠ ĐỒ PHÒNG KHÁM SẢN PHỤ KHOA HÀ ANH



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Ninh, ngày 30 tháng 12 năm 2025

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005;
- Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của các bên tham gia Hợp đồng;

Hôm nay, ngày 30 tháng 12 năm 2025, các Bên gồm:

BÊN CHO THUÊ (Bên A):

Ông: Thân Văn Huệ

CCCD số: 024063002101 Cơ quan cấp: CCS Ngày cấp: 25/04/2021

Nơi ĐKTT: Tổ dân phố Giáp Tiêu, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

BÊN THUÊ (Bên B) :

Bà: Nguyễn Thị Thu Hà

CCCD số: 024191005678 Cơ quan cấp: CCS Ngày cấp: 05/07/2021

Nơi ĐKTT: Tổ dân phố Giáp Tiêu, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Bên A và Bên B sau đây gọi chung là "**Hai Bên**" hoặc "**Các Bên**".

Sau khi thảo luận, Hai Bên thống nhất đi đến ký kết Hợp đồng thuê nhà ("**Hợp Đồng**") với các điều khoản và điều kiện dưới đây:

Điều 1. Nhà ở và các tài sản cho thuê kèm theo nhà ở:

1.1. Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B cũng đồng ý thuê quyền sử dụng đất và một căn nhà cấp 4 gắn liền với quyền sử dụng đất tại địa chỉ Số 985, đường Lê Lợi để sử dụng làm nơi để làm việc "mở phòng khám".

Diện tích quyền sử dụng đất: 300m²;

Diện tích căn nhà : 75m²;

1.2. Bên A cam kết quyền sử dụng căn nhà cấp 4 gắn liền trên đất trên là tài sản sở hữu hợp pháp của Bên A. Mọi tranh chấp phát sinh từ tài sản cho thuê trên Bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Điều 2. Bàn giao và sử dụng diện tích thuê:

2.1. Thời điểm Bên A bàn giao tài sản thuê vào ngày 10 tháng 01 năm 2026;

2.2. Bên B được toàn quyền sử dụng tài sản thuê kể từ thời điểm được Bên A bàn giao từ thời điểm quy định tại Mục 2.1 trên đây.

Điều 3. Thời hạn thuê

3.1. Bên A cam kết cho Bên B thuê tài sản thuê với thời hạn là **20 năm** (hai mươi năm) kể từ ngày bàn giao Tài sản thuê;

3.2. Hết thời hạn thuê nêu trên nếu bên B có nhu cầu tiếp tục sử dụng thì Bên A phải ưu tiên cho Bên B tiếp tục thuê.

Điều 4. Đặc cọc tiền thuê nhà: Không áp dụng.

Điều 5. Tiền thuê nhà:

5.1 Tiền thuê nhà đối với diện tích thuê nêu tại mục 1.1 Điều 1 là: **50.000.000 VNĐ/năm** (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng) trong 5 (năm) năm đầu, từ năm thứ 6 (sáu) chở đi số tiền thuê nhà là: **60.000.000 VNĐ/năm** (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đồng).

5.2 Tiền thuê nhà không bao gồm chi phí khác như tiền điện, nước, vệ sinh.... Khoản tiền này sẽ do bên B trả theo khối lượng, công suất sử dụng thực tế của Bên B hàng tháng, được tính theo đơn giá của nhà nước.

Điều 6. Phương thức thanh toán tiền thuê nhà

Tiền thuê nhà trong 5 (năm) năm đầu được thanh toán theo 02 đợt. Đợt 1 được trả ngay sau khi bên A bàn giao nhà cho bên B với số tiền là: 25.000.000 (hai mươi năm triệu đồng). Đợt 2 được thanh toán ở kỳ tiếp theo "06 tháng sau" với số tiền còn lại là: 25.000.000 (hai mươi năm triệu đồng).

Từ năm thứ 6 (sáu) chở đi tiền thuê nhà được thanh toán 01 lần vào tháng đầu của năm.

Các chi phí khác được bên B tự thanh toán với các cơ quan, đơn vị có liên quan khi được yêu cầu.

Việc thanh toán tiền thuê nhà được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam theo hình thức trả trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê nhà

7.1. Quyền lợi

- Yêu cầu Bên B thanh toán tiền thuê và chi phí khác đầy đủ, đúng hạn theo thoả thuận trong Hợp Đồng;
- Yêu cầu Bên B phải sửa chữa phần hư hỏng, thiệt hại do lỗi của Bên B gây ra.

7.2. Nghĩa vụ của

- Bàn giao diện tích thuê cho Bên B theo đúng thời gian quy định trong Hợp đồng;
- Đảm bảo việc cho thuê theo Hợp đồng này là đúng quy định của pháp luật;

- Đảm bảo cho Bên B thực hiện quyền sử dụng diện tích thuê một cách độc lập và liên tục trong suốt thời hạn thuê, trừ trường hợp vi phạm pháp luật và/hoặc các quy định của Hợp đồng này.
- Không xâm phạm trái phép đến tài sản của Bên B trong phần diện tích thuê. Nếu Bên A có những hành vi vi phạm gây thiệt hại cho Bên B trong thời gian thuê thì Bên A phải bồi thường.
- Tuân thủ các nghĩa vụ khác theo thoả thuận tại Hợp đồng này hoặc/và các văn bản kèm theo Hợp đồng này; hoặc/và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của bên thuê nhà

8.1. Quyền lợi

- Nhận bàn giao diện tích thuê theo đúng thoả thuận trong Hợp đồng;
- Được sử dụng phần diện tích thuê làm nơi ở và các hoạt động hợp pháp khác;
- Yêu cầu Bên A sửa chữa kịp thời những hư hỏng không phải do lỗi của Bên B trong phần diện tích thuê để bảo đảm an toàn;
- Được tháo dỡ và đem ra khỏi phần diện tích thuê các tài sản, trang thiết bị của Bên B đã lắp đặt trong phần diện tích thuê khi hết thời hạn thuê hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng.

8.2. Nghĩa vụ

- Sử dụng diện tích thuê đúng mục đích đã thoả thuận, giữ gìn nhà ở và có trách nhiệm trong việc sửa chữa những hư hỏng do mình gây ra;
- Thanh toán tiền đặt cọc, tiền thuê đầy đủ, đúng thời hạn đã thoả thuận;
- Trả lại diện tích thuê cho Bên A khi hết thời hạn thuê hoặc chấm dứt Hợp đồng thuê;
- Mọi việc sửa chữa, cải tạo, lắp đặt bổ sung các trang thiết bị làm ảnh hưởng đến kết cấu của căn phòng..., Bên B phải có văn bản thông báo cho Bên A và chỉ được tiến hành các công việc này sau khi có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A;
- Tuân thủ một cách chặt chẽ quy định tại Hợp đồng này và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9. Đơn phương chấm dứt hợp đồng thuê nhà:

Trong trường hợp một trong Hai Bên muốn đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước hạn thì phải qua thời gian 5 (năm) năm và thông báo bằng văn bản cho bên kia trước 60 (sáu mươi) ngày so với ngày mong muốn chấm dứt. Nếu một trong Hai Bên không thực hiện nghĩa vụ thông báo cho Bên kia thì sẽ phải bồi thường

cho bên đó một khoản tiền thuê tương đương với thời gian không thông báo và các thiệt hại khác phát sinh do việc chấm dứt Hợp đồng trái quy định.

Điều 10. Điều khoản thi hành

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký kết;
- Các Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp đồng này trên tinh thần hợp tác, thiện chí;
- Mọi sửa đổi, bổ sung đối với bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng phải được lập thành văn bản, có đầy đủ chữ ký của mỗi Bên. Văn bản sửa đổi bổ sung Hợp đồng có giá trị pháp lý như Hợp đồng, là một phần không tách rời của Hợp đồng này.
- Hợp đồng được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

BÊN CHO THUÊ

BÊN THUÊ



Thân Văn Huệ



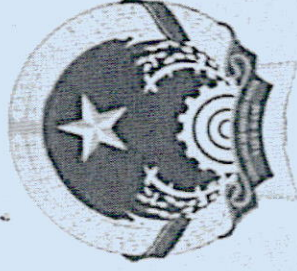
Nguyễn Thị Thu Hà

IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GÁN LIÊN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Ông Thân Văn Huệ

Sinh năm: 1963; CMND số: 121 056 509

Địa chỉ thường trú: Phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

Bà Trần Thị Nền

Sinh năm: 1966; CMND số: 121 514 703

Địa chỉ thường trú: Phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

CB 848942

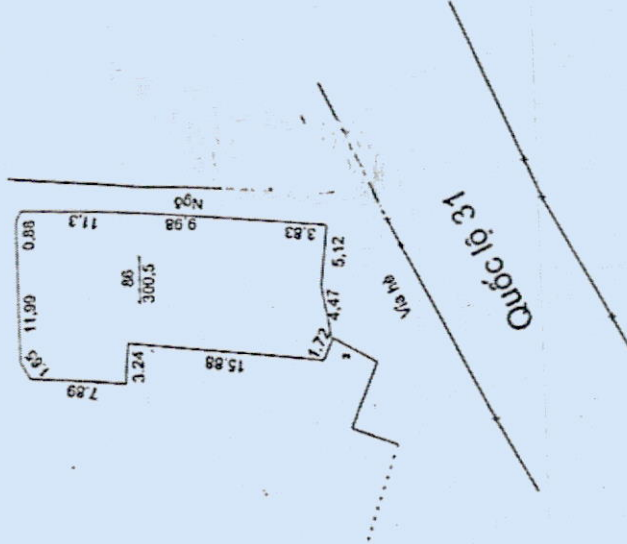
Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

- 1. Thửa đất
 - a. Thửa đất số: 86
 - b. Tờ bản đồ số: 4
 - c. Địa chỉ thửa đất: Tổ dân phố Giáp Tiêu, phường Đình Kế, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
 - d. Diện tích: 300,5m² (Bảng chữ: Ba trăm phẩy năm mét vuông)
 - đ. Hình thức sử dụng: Chung: Không
 - e. Mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị (ODT): 200,0m²; Đất trồng cây lâu năm (CLN): 100,5m²
 - g. Thời hạn sử dụng: Lâu dài; đất ở; Đến 15/10/2043; Đất trồng cây lâu năm
 - h. Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất

- 2. Nhà ở -/-
- 3. Công trình xây dựng khác
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	

Ngày 16 tháng 11 năm 2015
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Đã không còn

Số vào sổ cấp GCN: H.Đ. 3/HLĐ.
0/19...T.03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

Bắc Ninh, ngày 20 tháng 01 năm 2026

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

Số: 20.01-26/HĐTG/HP-HKDNTTH

Căn cứ Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội Nước Cộng hoà XHCN Việt Nam có hiệu lực áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2017;

Căn cứ vào Bộ luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc Hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

Căn cứ vào Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ vào Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều trong Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ vào giấy phép xử lý chất thải nguy hại mã số: QLCTNH:1-2-3-4-5-6.068.VX (cấp lần 5) ngày 04/06/2021 của Bộ TNMT cấp cho Công ty Cổ phần Công nghiệp xanh Hùng Phát (trước đây là công ty TNHH Môi trường đô thị Hùng Phát);

Căn cứ năng lực của Công ty Cổ phần Công nghiệp xanh Hùng Phát và nhu cầu thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải, nguy hại của Hộ kinh doanh Nguyễn Thị Thu Hà - BG

Hôm nay, ngày 26/05/2025. Chúng tôi gồm:

1. Bên A: HỘ KINH DOANH NGUYỄN THỊ THU HÀ – BG

- Đại diện: Bà Nguyễn Thị Thu Hà
- Địa chỉ: Số 985, đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
- Mã số hộ kinh doanh: Số 024191005678 cấp ngày 10/01/2026 tại Phòng kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: 0566298886 - 0966621061

2. Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP XANH HÙNG PHÁT

- Người đại diện: Ông Vũ Hồng Long Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Địa chỉ nhà máy: Thôn Đồng Sài - xã Phù Lãng – thị xã Quế Võ - tỉnh Bắc Ninh.
- Điện thoại: 02223.624.899
- Mã số thuế: 2300542744
- Tài khoản số: 116002969817-Vietinbank-CN Hoàn Kiếm.



Hai bên thống nhất ký kết hợp đồng theo các điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung công việc

Bên A đồng ý thuê bên B thu gom, vận chuyển, lưu trữ và xử lý các loại chất thải y tế nguy hại, chất thải nguy hại của bên A, tuân thủ đúng các quy định về bảo vệ môi trường của Việt Nam.

Điều 2: Địa điểm, tần suất và thời gian giao nhận.

1 - Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho chứa chất thải của bên A: Số 985, đường Lê Lợi, phường Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

2 - Địa điểm lưu trữ và xử lý: Nhà máy xử lý chất thải sinh hoạt, công nghiệp, nguy hại (thôn Đồng Sài - xã Phù Lãng – thị xã Quế Võ - tỉnh Bắc Ninh).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có phát sinh vấn đề gì thì hai bên sẽ thống nhất và bổ sung bằng phụ lục hợp đồng.

Điều 3: Danh mục chất thải, đơn giá và hình thức thanh toán.

3.1: Danh mục chất thải, khối lượng và đơn giá.

STT	Danh mục chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	Rắn	Năm	4.000.000
2	Hóa chất thải bao gồm hoặc có chứa các thành phần nguy hại	13 01 02	Rắn/ lỏng		
3	Dược phẩm thải bỏ thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	13 01 03	Rắn		
4	Nước thải nguy hại không lây nhiễm	19 10 01	Lỏng		

Phí thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải là 4.000.000 VNĐ/năm (Bốn triệu đồng/năm). Đơn giá đã bao gồm thuế VAT.

Khối lượng chuyển giao chất thải không vượt quá 150 kg/năm.

Nếu khối lượng chất thải chuyển giao lớn hơn 150 kg/năm thì bên A phải trả thêm cho bên B là 15.000 VNĐ/kg cho khối lượng chất thải vượt quá.

3.2: Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho bên B 100% giá trị hợp đồng ngay sau khi hợp đồng này được ký kết.

Bên B sẽ xuất hóa đơn cho bên A theo đúng giá trị đơn giá trên hợp đồng.

Bên A có trách nhiệm thanh toán cho bên B .

Điều 4: Trách nhiệm của mỗi bên:

1 - Trách nhiệm của bên A

- Cử nhân viên của bên A xuống làm việc cùng bên B trong lúc chuyển giao chất thải.

- Bên A có trách nhiệm phân loại chất thải nguy hại (CTNH), không để lẫn CTNH khác loại với nhau hoặc với chất thải khác; bố trí nơi lưu giữ tạm thời CTNH an toàn; đóng gói, bảo quản CTNH theo chủng loại trong các bồn, thùng chứa, bao bì chuyên dụng đáp ứng các yêu cầu về an toàn, kỹ thuật, đảm bảo không rò rỉ, rơi vãi hoặc phát tán ra môi trường. Hỗ trợ xe nâng để nâng những hàng hóa nặng, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Bên A cam kết chuyển giao chất thải cho bên B như đã thống nhất.

2 - Trách nhiệm của bên B

- Bên B có trách nhiệm bốc xếp chất thải vào phương tiện vận chuyển của mình tại kho của bên A.

- Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng đủ tiêu chuẩn, hợp vệ sinh để vận chuyển chất thải theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam. Xe bên B vào thu gom vận chuyển cần tuân thủ theo quy định của bên A.

- Bên B cam kết xử lý các loại chất thải đã vận chuyển của bên A theo đúng quy định của Luật môi trường Việt Nam.

- Chuyển giao lại chứng từ chất thải nguy hại cho bên A tuân thủ đúng theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT có hiệu lực ngày 10 tháng 01 năm 2022 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Tư vấn, hướng dẫn cho chủ nguồn thải cách quản lý chất thải công nghiệp, nguy hại

Điều 5: Cam kết chung

1 - Hai bên cam kết thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng này.

2 - Hai bên cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì phải giải quyết các bên kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng, đảm bảo lợi ích cả hai bên.

3 - Trường hợp có vấn đề tranh chấp, không tự giải quyết được thì hai bên sẽ khiếu nại tới Cơ quan có chức năng tỉnh Bắc Ninh để giải quyết theo luật định. Bên sai phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và các chi phí liên quan.

4 - Khi có bất kỳ sự thay đổi nào trong hợp đồng phải được hai bên thống nhất và ký kết bằng phụ lục hợp đồng kèm theo các điều khoản chi tiết. Bất cứ sự tẩy xóa, sửa đổi nào đều không có hiệu lực.

Điều 6: Hiệu lực hợp đồng

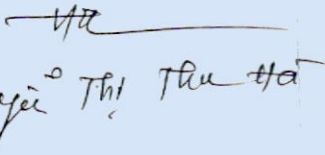
1 - Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị từ ngày ký đến hết ngày 20/01/2027 Sau khi hết thời hạn hợp đồng trong vòng 07 ngày mà hai bên không có ý kiến gì thì hợp đồng tự động thanh lý.

12/1
T
A
P
H
1/8

2 - Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai bên A và B, không có hiệu lực với bất cứ bên thứ ba nào khác.


3 - Hợp đồng này là cơ sở pháp lý để giải quyết khi có tranh chấp theo đúng luật pháp hiện hành và được lập thành 04 bản Tiếng Việt, có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A


Nguyễn Thị Thu Hà

ĐẠI DIỆN BÊN B




TỔNG GIÁM ĐỐC
VŨ HỒNG LONG

